

## ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHĨA TÊN NHÂN VẬT TRONG TÁC PHẨM “GIA ĐÌNH” CỦA BA KIM

Phạm Ngọc Hàm<sup>1,\*</sup>, Phạm Hữu Khương<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

<sup>2</sup> Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Dương Quảng Hàm, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 28 tháng 7 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 8 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 1 tháng 3 năm 2022

**Tóm tắt:** Nhân vật là linh hồn của tác phẩm văn học, được thể hiện qua nhiều phương diện như ngoại hình, tính cách, ngôn ngữ, cử chỉ hành động... Mỗi nhân vật trong tác phẩm đều được thụ hưởng một cái tên do chính tác giả sáng tạo ra và thường là thông tin đầu tiên về nhân vật được truyền tới độc giả. Trong quá trình sáng tác, ngay từ việc đặt tên cho nhân vật, các tác giả đã rất dày công và gửi gắm tư tưởng, tình cảm, dụng ý của mình vào đó. Bằng phương pháp thống kê, miêu tả và phân tích, bài viết làm nổi rõ đặc điểm ngữ nghĩa một số tên nhân vật trẻ tuổi trong tác phẩm *Gia đình* của Ba Kim, từ đó chỉ ra vai trò của tên nhân vật đối với việc thể hiện tư tưởng và dụng ý của tác giả trong tác phẩm.

*Từ khóa:* tên nhân vật, ngữ nghĩa, *Gia đình*, Ba Kim, nội dung tư tưởng

### 1. Đặt vấn đề

Văn học bắt nguồn từ đời sống và được coi là món ăn tinh thần của con người trong mọi thời đại. Tác phẩm văn học hiện thực chân chính là hình ảnh thu nhỏ của xã hội, trong đó có một loạt các nhân vật đại diện cho những tầng lớp xã hội khác nhau, tạo nên linh hồn của tác phẩm. Mỗi nhân vật mang một cái tên khác nhau do nhà văn sáng tạo ra và không có hiện tượng trùng tên hoàn toàn trong cùng một tác phẩm. Nhà văn thường gửi gắm tư tưởng, tình cảm, thái độ, dụng ý của mình vào mỗi nhân vật và ngay từ cách đặt tên cho nhân vật cũng là một thủ pháp nghệ thuật. “Họ tên với tư cách là tín hiệu ngôn ngữ có chức năng quy chiếu, dùng để khu biệt cá thể này với cá thể khác trong cộng đồng” (Đỗ, 1993, tr. 233). Tên nhân vật trong tác phẩm có thể là mượn từ một cái tên có thật ngoài đời, cũng có thể là cái tên trừu tượng, mang tính khái quát. Không ít tên

nhân vật được tác giả vận dụng các thủ pháp sử dụng ngôn từ để tạo nên, chứa đựng ý nghĩa hàm ẩn sâu sắc. Dù bất cứ phương thức nào thì cái tên đó cũng là ký hiệu để khu biệt với các nhân vật khác trong cùng tác phẩm. Trong chừng mực nhất định, nó có ý nghĩa trong việc góp phần thể hiện tư tưởng, nội dung của tác phẩm, làm cho thế giới nhân vật trở nên phong phú, đa dạng như chính bức tranh cuộc sống ngoài đời thực.

Những năm gần đây, nghiên cứu về tên nhân vật trong tác phẩm văn học ngày càng nhận được sự quan tâm của các học giả Trung Quốc và Việt Nam, tuy nhiên, thành quả nghiên cứu về lĩnh vực này chưa nhiều. Đối với nghiên cứu ở Trung Quốc, phải nhắc đến những bài viết có tính chất chuyên sâu như Lí Tinh Văn (2015) với *Thủ pháp tu từ khi định danh nhân vật trong tiểu thuyết “Gia đình” của Ba Kim*; Vương Hải Phong (2006) với *Nghệ thuật đặt tên nhân vật trong tác phẩm của Lỗ Tấn*; Tiêu Vĩnh Hạ và Tạ Á

\* Tác giả liên hệ

Địa chỉ email: [phamngochamnvhtq@gmail.com](mailto:phamngochamnvhtq@gmail.com)

Quân (2007) với *Lí giải hàm ý văn hóa định danh nhân vật trong tác phẩm văn học Trung Quốc*; Hạ Trung Hoa và Nhậm Lệ Phân (2007) với *Nghệ thuật tu từ định danh nhân vật trong “Bàng Hoàng” và “Gào thét”*; Tạ Bồi và Thi Bình (1992) với *Bàn về định danh nhân vật trong tác phẩm văn học Trung Quốc và nước ngoài*; Ngô Phong Văn và các cộng sự (2013) với *So sánh định danh nhân vật trong “Thủy Hử truyện” và “Hồng lâu mộng”*; Lưu Bình Thanh (1995) với *Bàn về vấn đề định danh trong tiểu thuyết Lỗ Tấn...*

Ở Việt Nam, thành quả nghiên cứu về tên nhân vật trong tác phẩm văn học, trước hết phải kể đến luận án tiến sĩ nhan đề *Nghiên cứu đặc điểm tên nhân vật trong các tác phẩm văn học của Lỗ Tấn, Ba Kim, Lão Xá – So sánh với tên nhân vật trong các tác phẩm văn học của Nam Cao, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố* của Phạm Hữu Khương (2018). Tác giả đã khái quát các vấn đề lí luận hữu quan, nhất là lí thuyết định danh, trên cơ sở đó tiến hành khảo sát và phân tích kết quả khảo sát dưới góc độ so sánh, chỉ ra đặc trưng và những điểm tương đồng, khác biệt của tên nhân vật trong các tác phẩm của ba tác giả Trung Quốc và ba tác giả Việt Nam về mặt số lượng âm tiết, cấu trúc ngữ pháp, cơ sở định danh, ngữ nghĩa và hàm ý văn hóa... Tuy nhiên, trong khuôn khổ một luận án, vấn đề lại được nhìn nhận trên phương diện vĩ mô nên một số góc độ nghiên cứu chưa sâu, cần được tiếp tục bàn luận. Ngoài ra, còn phải kể đến một số bài viết như *Nhà văn Nguyễn Minh Châu đặt tên nhân vật của Trần Duy Thanh* (2013); *Định danh nhân vật – một thủ pháp nghệ thuật trong sáng tác văn học (qua ngữ liệu “Báu vật của đời” của Mạc Ngôn)* của Phạm Ngọc Hàm và Phạm Hữu Khương (2018)... Những nghiên cứu này đều có giá trị gợi mở cho chúng tôi trong quá trình hoàn thành bài viết này.

Cũng như Lỗ Tấn và nhiều nhà văn cùng thời, Ba Kim trong tác phẩm gắn với tên tuổi của mình – *Gia đình* đã xây dựng thành công hơn 70 nhân vật với những tên gọi khác nhau, vừa thể hiện đặc trưng văn

hóa họ tên của người Trung Quốc, vừa mang ý nghĩa hàm ẩn sâu sắc, phát huy tác dụng trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của tác phẩm.

Trên cơ sở tiếp thu thành quả nghiên cứu của các học giả đi trước, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đi sâu phân tích đặc điểm ngữ nghĩa tên gọi các nhân vật trẻ tuổi trong tác phẩm *Gia đình* của Ba Kim, nhằm làm nổi rõ vai trò của tên nhân vật đối với việc thể hiện tư tưởng nội dung tác phẩm.

## 2. Khái quát về nhân vật văn học và tác phẩm *Gia đình* của Ba Kim

### 2.1. Đôi nét về nhân vật văn học

Bàn về một tác phẩm văn học, không thể không đề cập đến nhân vật. Điều cốt yếu quyết định thành công của tác phẩm văn học là xây dựng được các tuyến nhân vật, trong đó có những nhân vật điển hình. Nhân vật văn học được xây dựng trên cơ sở nhân vật ngoài đời, đồng thời là sự tổng hòa, đại diện cho một nhóm, một tầng lớp người trong xã hội. Mỗi tác phẩm đều có một hoặc một số nhân vật chính, tồn tại trong mối quan hệ với các nhân vật phụ mà tiếng Trung Quốc gọi là *nhân vật phối hợp* (配角). Trong đó, nhân vật chính thường là hình ảnh xuyên suốt, gắn liền với nội dung tư tưởng của tác phẩm. Nhân vật văn học là “hình tượng nghệ thuật về con người, một trong những dấu hiệu về sự tồn tại toàn vẹn của con người trong nghệ thuật ngôn từ..., nó mang tính ước lệ, không thể bị đồng nhất với con người có thật, ngay cả khi tác giả xây dựng nhân vật với những nét rất gần với nguyên mẫu có thật” (Đỗ và cộng sự, 2004, tr. 1254). Nhân vật văn học chính là đứa con tinh thần của tác giả, là kết quả của quá trình thâm nhập thực tế, hiểu biết thấu đáo về con người trong một xã hội nhất định và thông qua lăng kính chủ quan của nhà văn tái tạo mà thành. Nhân vật trong tác phẩm được xây dựng trên các nhân tố như ngoại hình, ngôn ngữ, cử chỉ, hành động, tính cách... Các nhân tố ấy được thể hiện trong môi trường xã hội cụ thể và có mối quan hệ với nhau, cũng như các nhân vật

trong tác phẩm đều có những mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau, tạo nên một xã hội thu nhỏ. Tất cả nhằm phản ánh diện mạo xã hội trong một giai đoạn lịch sử cụ thể. Nói đến tác phẩm văn học, không thể không nhắc đến nhân vật, bởi nhân vật là phương tiện kết nối để nhà văn khái quát những quy luật của cuộc sống và thể hiện một cách sâu sắc tư tưởng nghệ thuật của nhà văn. “Nhân vật văn học là khái niệm dùng để chỉ hình tượng các cá thể con người trong tác phẩm văn học – cái đã được nhà văn nhận thức, tái tạo thể hiện bằng các phương tiện riêng của nghệ thuật ngôn từ” (Trần và cộng sự, 2012, tr. 114).

Mỗi nhân vật trong tác phẩm văn học đều có một cái tên, dùng để giao tiếp trong môi trường xã hội của tác phẩm và khu biệt với các nhân vật khác. Do đó, tên nhân vật trong tác phẩm cũng có những điểm giống và khác nhau so với tên người trong đời sống thực tế. Tên người trong thực tế cuộc sống thông thường là do cha mẹ hoặc người thân đặt cho, thậm chí khi lớn lên, mỗi người có quyền tự lựa chọn, thay đổi một cái tên khác cho chính mình. Tuy nhiên, tên nhân vật trong tác phẩm lại do nhà văn tạo ra, trong chừng mực nhất định đều thể hiện dụng ý của tác giả và được coi là một trong những thủ pháp phản ánh nội dung tư tưởng của tác phẩm. Tên nhân vật trong tác phẩm *Gia đình* của Ba Kim là những ví dụ tiêu biểu.

## 2.2. Đôi nét về tác phẩm “*Gia đình*”

*Gia đình* thuộc thể loại truyện dài, là tác phẩm tiêu biểu gắn liền với tên tuổi của nhà văn nổi tiếng trong văn học hiện đương đại Trung Quốc: Ba Kim, viết vào năm 1931, giữa lúc xã hội phong kiến Trung Quốc đang trên bước đường cáo chung, các nhân tố mới với hứa hẹn một xã hội mới đang hình thành. Ba Kim sáng tác tác phẩm này dựa trên bối cảnh một gia đình quan lại phong kiến ở Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên đầu những năm 30 của thế kỉ XX. Nhiều công trình nghiên cứu (Li, 2014; Liu, 2012) đã cho rằng, gia đình ấy mang bóng dáng gia đình mà Ba Kim đã sinh ra và lớn lên. Đó là một thực tế khách

quan được tác giả tận mắt chứng kiến và trải nghiệm, tạo nên tính chân thực của tác phẩm. Bằng đôi mắt tinh tường, sắc sảo, Ba Kim đã đi trước thời đại, nhìn thấy xu thế phát triển tất yếu của xã hội với những biến cố to lớn và ra sức ủng hộ cái mới bằng việc xây dựng nên những nhân vật trẻ tuổi đầy nhiệt huyết, dám nghĩ dám làm, kiên quyết chống lại thế lực phong kiến, tích cực tham gia vào phong trào sinh viên như Giác Tuệ và những thân phận cùng khổ, mặc dù bị ràng buộc bởi hoàn cảnh nhưng vẫn thầm hy vọng được tháo cũi xổ lồng, vươn tới tự do như Minh Phụng.

Tác phẩm gồm một loạt những nhân vật trẻ tuổi như anh em Giác Tân, Giác Dân, Giác Tuệ, Giác Anh, Giác Quân, Giác Thế, Cao Khắc Minh, Cao Khắc An, Cao Khắc Định và Tiền Mai Phần, Lý Thụy Giác, Cầm, Minh Phụng..., cùng với các nhân vật đại diện cho tầng lớp thống trị phong kiến, mỗi người một vẻ và một số phận khác nhau, đã làm nên một xã hội thu nhỏ đầy mâu thuẫn trong gia đình họ Cao.

## 3. Về đặc điểm ngữ nghĩa của tên nhân vật trong *Gia đình* của Ba Kim

### 3.1. Những nội dung phản ánh trong tên nhân vật văn học

Trong cuốn *Định danh học - Nghệ thuật định danh* (命名学 - 命名艺术), Mã Minh Xuân đã tổng kết lại những đặc điểm của nhân vật văn học được thể hiện trong tên gọi trên ba phương diện. Thứ nhất là tên gọi phản ánh đặc điểm tự thân của nhân vật, thứ hai là thể hiện dấu ấn trải nghiệm cuộc đời của nhân vật, thứ ba là sự ảnh hưởng của các nhân tố xung quanh. Trong đó, tên gọi phản ánh đặc điểm tự thân của nhân vật được chia thành đặc trưng ngoại tại, đặc trưng nội tại, năng lực nghề nghiệp, địa vị xã hội của nhân vật. Đặc trưng ngoại tại được thể hiện ở ngoại hình, ngôn ngữ, hành động và giới tính. Đặc trưng nội tại chia thành đặc trưng tính cách, phẩm hạnh, khí chất, sự theo đuổi lý tưởng... Về sự thể hiện dấu ấn trải nghiệm cuộc đời, Mã Minh Xuân chia thành hoàn

cảnh ra đời và con đường mưu sinh của nhân vật. Trong đó, hoàn cảnh ra đời bao gồm các khía cạnh nhỏ hơn như thời gian, địa điểm ra đời và nơi nhân vật sinh sống, trưởng thành, gia cảnh, thứ tự sinh ra so với anh chị em ruột trong gia đình, thể chất lúc sơ sinh... Về trải nghiệm cuộc đời, tên nhân vật phản ánh thời gian thành danh, những thuận lợi và khó khăn trên đường đời và sự ảnh hưởng của những sự kiện lớn đến cuộc đời nhân vật. Về sự ảnh hưởng của các nhân tố xung quanh, tên nhân vật thể hiện sự gửi gắm tư tưởng, niềm tin của người khác dành cho nhân vật, hoặc là dấu ấn ghi nhận sự kiện khách quan, chẳng hạn như những sự kiện trọng đại diễn ra trong xã hội hay công trạng của tổ tiên. Với mỗi trường hợp, tác giả đều dẫn ra một số ví dụ tên nhân vật trong *Thủy Hử*, *Tây du ký* và một vài tác phẩm của Lỗ Tấn hoặc tên nhân vật trong kịch bản phim để minh họa.

Cũng trong cuốn *Định danh học - Nghệ thuật định danh*, Mã Minh Xuân còn dành một mục (từ trang 308 đến trang 315) nói về sự kết hợp giữa tên người và các phương thức định danh khác tạo nên kết cấu của tiểu thuyết và truyện, đồng thời đưa ra một số dẫn chứng minh họa cho từng trường hợp, cụ thể gồm (1) tên người và tên gọi thực vật chuyển hóa cho nhau, trong đó có khi con người biến thành thực vật, có khi thực vật hóa thành con người; (2) tên người và tên thực vật phối hợp với nhau; (3) tên người và tên động vật chuyển hóa cho nhau; (4) tên người và tên cảnh vật thiên nhiên chuyển hóa cho nhau; (5) tên người, tên thực vật và tên phân bón phối hợp với nhau. Những cách kết hợp đó đã khiến cho tên nhân vật trong tiểu thuyết cũng như trong các thể loại truyện càng trở nên phong phú, giàu tính hình tượng.

Tên nhân vật trong các tác phẩm của Ba Kim phần lớn phản ánh đặc trưng nội tại của nhân vật và sự gửi gắm tư tưởng, niềm tin của tác giả vào nhân vật, đồng thời có cả sự chuyển hóa giữa tên gọi động, thực vật thành tên người. Đó là một trong những thủ pháp nghệ thuật thể hiện tư tưởng nội dung, góp phần làm nên thành công của tác phẩm.

### 3.2. Đặc điểm ngữ nghĩa tên gọi các nhân vật trong “Gia đình”

Để tìm hiểu ngữ nghĩa tên gọi các nhân vật trong *Gia đình* của Ba Kim, trước hết, chúng ta cần điểm lại đôi nét về nghĩa của từ. Có thể nói, nghĩa của từ là hàm ý bên trong của từ, bao gồm nghĩa gốc, nghĩa phái sinh và nghĩa ví von so sánh. Chỉ tính riêng các nhà ngôn ngữ học Việt nam đã có Đỗ Hữu Châu (1981, 1993), Nguyễn Thiện Giáp (1998), Lê Quang Thiêm (2015), Nguyễn Đức Tồn (2002, 2013), Nguyễn Văn Tu (1976)... đưa ra định nghĩa của mình về nghĩa của từ. Trong đó, đáng chú ý nhất là Nguyễn Đức Tồn trên cơ sở tổng kết lại quan điểm của các học giả trong và ngoài nước về nghĩa của từ đã đưa ra quan niệm của mình, ông cho rằng: “Nghĩa của từ là một hiện tượng tâm lí, tinh thần, là cái xuất hiện (hay được gọi lên) trong trí óc mọi người khi nghe thấy (hoặc đọc) từ ấy” (Nguyễn, 2002, tr. 55-56); và là “sự hiểu biết cùng với xúc cảm kèm theo xuất hiện (hay được gọi lên) trong trí óc người bản ngữ về sự vật, hiện tượng, hành động, tính chất, quan hệ... mà từ biểu thị khi nghe thấy (hoặc đọc) từ ấy... nghĩa của từ không thể nhìn thấy, nghe thấy hay động chạm đến được... bằng năm giác quan. Để hiểu và nhận biết được nghĩa của từ, mỗi người chỉ có thể tự cảm nhận trong trí não” (Nguyễn, 2013, tr. 150-151).

Trong bài viết này, chúng tôi còn muốn đề cập đến một khái niệm nữa là hàm nghĩa. Theo *Từ điển quy phạm tiếng Hán hiện đại*, hàm nghĩa (含义) là “ý nghĩa được bao hàm trong câu từ” (Li & Tang, 2001, tr. 429). Như vậy, hàm nghĩa là ý nghĩa tiềm ẩn bên trong của câu từ. Do tính chất biểu ý của chữ Hán mà việc chọn chữ đặt tên tiếng Hán đòi hỏi phải có vốn hiểu biết đủ sâu về ngôn ngữ, văn tự Hán và luôn nhận được sự quan tâm của người đặt tên cũng như giới nghiên cứu ngôn ngữ - văn hóa. Để nắm bắt được hàm nghĩa của từ ngữ, trong đó có tên gọi, người ta cần phải suy ngẫm và *tự cảm nhận trong trí não*. Nhiều tên nhân vật trong

*Gia đình* của Ba Kim như Giác Tuệ, Minh Phụng, Giác Tân, Giác Dân... tồn tại dưới dạng từ, mang hàm nghĩa sâu sắc mà chỉ có thông qua suy ngẫm, người đọc mới có thể lĩnh hội được.

Có thể khẳng định, tên nhân vật, đặc biệt là nhân vật chính được Ba Kim đặt trong tác phẩm *Gia đình* không phải là ngẫu nhiên mà có dụng ý sâu xa, mang ý nghĩa tượng trưng, nghĩa hàm ẩn rõ nét, vừa chịu ảnh hưởng của yếu tố chủ quan, vừa chịu tác động của yếu tố khách quan. “Yếu tố chủ quan chính là năng lực sáng tạo và phong cách của nhà văn, yếu tố khách quan là môi trường xã hội, thời đại, đặc trưng văn hóa dân tộc,... thuộc về nhân vật trong tác phẩm mà nhà văn cần xây dựng” (Phạm & Phạm, 2018, tr. 35). Điều đó thể hiện trước hết qua tên gọi của sáu nhân vật nam thanh niên trẻ tuổi, là sáu anh em nhà họ Cao, gồm Giác Tân (觉新), hiệu là Minh Hiên (明轩), con trai cả của bà cả còn gọi là 大少爷 *Đại thiếu da* (cậu cả); thứ hai là Giác Dân (觉民), con trai thứ hai của bà cả, còn gọi là 二少爷 *Nhị thiếu da* (cậu hai); thứ ba là Giác Tuệ (觉慧), con trai thứ ba của bà cả, còn gọi là 三少爷 *Tam thiếu da* (cậu ba); thứ tư là Giác Anh (觉英), con trai cả của bà ba, còn gọi là 四少爷 *Tứ thiếu da* (cậu tư); thứ năm là Giác Quần (觉群), con trai cả của bà tư, còn gọi là 五少爷 *Ngũ thiếu da* (cậu năm) và thứ sáu là Giác Thế (觉世), con trai thứ hai của bà tư, còn gọi là 六少爷 *Lục thiếu da* (cậu sáu), trong số đó có người cùng cha, cùng mẹ, có người cùng cha khác mẹ chung sống với nhau trong gia đình quý tộc họ Cao năm thế bảy kiếp, là kết quả của tập tục hôn nhân phong kiến. Điểm chung trong tên gọi của họ là đều có cùng tên đệm “覺 Giác”.

Về mặt văn tự, chữ *giác* (覺) là một chữ kết cấu trên dưới, trong phần lớn các bộ từ điển (*Thuyết văn giải tự, Tân hiện đại Hán ngữ từ điển, Từ điển quy phạm tiếng Hán hiện đại...*) đều giải thích rằng, đây là chữ hình thanh, phần trên là hình ảnh thu gọn của chữ *học* (學) đóng vai trò là tự tố biểu thị âm thanh, phần dưới là *kiến* (見: nhìn thấy) là tự

tố biểu nghĩa. Tuy nhiên, Tiêu Khởi Hồng (2004) cho rằng, chữ *học* là chữ hội ý, gồm 4 tự tố tạo thành, trong đó, 白 *cữu* (cái cối; vật giống hình cái cối: hàm răng) biểu thị cho việc giáo dục trẻ em phải bắt đầu từ khi trẻ vừa mọc răng và bi bô học nói; 爻 *hào* nghĩa là văn tự cổ đại, vai trò biểu ý của tự tố này là giáo dục trẻ em phải tiến hành từ việc cho trẻ nhận mặt chữ; 冫 *mật* (mái che) và 子 *tử* (con) với ý nghĩa việc học tập là quá trình tất yếu giúp trẻ mở mang trí tuệ (Xiao, 2004, tr. 80). Trên cơ sở tiếp nhận quan điểm này của Tiêu Khởi Hồng, chúng tôi vận dụng vào việc lí giải chữ *giác* và cho rằng, đây là chữ hội ý, tính chất hội ý của *giác* (覺) cũng gần như chữ “học” (學), phần trên là hình ảnh biểu trưng thể hiện sự hướng đạo trực quan giúp ích cho nhận thức của con người, gồm biến thể của 手 *thủ* (tay) kết hợp với 爻 *hào* (quẻ trong *Chu dịch*, được thể hiện bằng những nét dài ngắn khác nhau), 手 *thủ* và 爻 *hào* hợp lại biểu thị động tác bằng tay gọi mở cho con người thông qua trực quan để nhận thức sự vật khách quan; phần dưới là 見 *kiến* (nhìn thấy, nhận biết bằng mắt), cả hai tự tố hợp thành đều biểu thị ý nghĩa giác ngộ, nhận thức. *Từ điển quy phạm tiếng Hán hiện đại* đưa ra 4 nghĩa của 覺 *giác* như sau: (1) là danh từ, chỉ sự cảm nhận và phân biệt sự vật qua giác quan của người hoặc động vật, như *thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác*; (2) là động từ, nghĩa là thức tỉnh sau khi ngủ; (3) là động từ, nghĩa là giác ngộ; (4) là động từ, nghĩa là cảm thấy (Li & Tang, 2001, tr. 589). “Tự giác” và “giác tha” là những thuật ngữ trong Phật học, nghĩa là tự mình giác ngộ và sau đó giúp người khác cùng được giác ngộ như mình.

Với những nghĩa như trên, 覺 *giác* được Ba Kim chọn làm tên đệm cho một loạt nhân vật nam trẻ tuổi cùng huyết thống của gia đình họ Cao. Trong cái tên 觉新 *Giác Tân*, Tân (新) nghĩa là mới (“giác tân” nghĩa là giác ngộ cái mới). Trong 觉民 *Giác Dân*, Dân (民) chỉ chung cho số đông người bình thường trong xã hội. Lễ giáo phong kiến phân định giữa *nhân* (人) và *dân* (民), *nhân*

dùng để chỉ tầng lớp thượng lưu, còn *dân* chỉ tầng lớp dưới, như *bách tính, trăm họ, muôn dân* (“giác dân” nghĩa là khiến người dân được giác ngộ, đồng thời cũng có thể hiểu là thấu hiểu nỗi niềm của người dân). Trong 觉慧 *Giác Tuệ*, Tuệ (慧) nghĩa là thông minh, tài trí (“giác tuệ” nghĩa là có trí tuệ mới có thể giác ngộ). Chính cái tên “Giác Tuệ” đã thể hiện đầy đủ tính chất của nhân vật đại diện cho tầng lớp trí thức trẻ, tư tưởng tiên bộ. Khi đọc tác phẩm, độc giả sẽ cảm nhận được nhân vật này chính là hiện thân của tác giả. Trong 觉英 *Giác Anh*, Anh (英) là một loài hoa, phát triển thành nghĩa chỉ sự tinh túy (“giác anh” nghĩa là cảm nhận được tinh hoa). Trong 觉群 *Giác Quần*, Quần (群) có nghĩa là đoàn tụ (“giác quần” nghĩa là biết đoàn tụ, yêu ghét rõ ràng). Trong 觉世 *Giác Thế*, Thế (世) có nghĩa là cuộc đời, thời thế (“giác thế” nghĩa là nắm bắt được thế cục, cũng có thể hiểu là do sự thay thời đổi thế mà trở nên có giác ngộ). Ba Kim đã gửi vào nhân vật niềm tin ở thế hệ trẻ Trung Quốc những năm 30 của thế kỷ trước, đồng thời cũng phản ánh xu thế tất yếu của thời đại, của lịch sử. Những tên gọi ấy có khi mang hàm ý nhận thức của thế hệ trẻ về cái mới đang nảy sinh trong lòng thời đại: 觉新 *Giác Tân*, có khi mang hàm ý nhận thức về phẩm chất tốt đẹp của những người dân lao động bình thường: 觉民 *Giác Dân* và đặc biệt là vì có trí tuệ, có cái nhìn sắc sảo mới nhận biết được vẻ đẹp tâm hồn của những người lao động sống dưới đáy cùng xã hội phong kiến và xu thế tất yếu của thời đại: 觉慧 *Giác Tuệ*. Ba con người đó được coi là ba trong số các nhân vật chính của tác phẩm được tác giả khắc họa đậm nét hơn so với các nhân vật Giác Anh, Giác Quần và Giác Thế.

Sáu nhân vật trên là sáu anh em cùng một hoàn cảnh sống, đã, đang và sẽ bước ra khỏi “cao đường minh kính” của nhà họ Cao để hòa nhập vào xu thế mới của thời đại. Tuy nhiên, trình độ nhận thức, mức độ tiến bộ của mỗi người đều có sự khác biệt nhất định.

Ngoài sáu nhân vật nam thuộc thế hệ trẻ tuổi kể trên, còn phải nhắc đến một số tên

nhân vật nam trẻ tuổi khác như Cao Khắc Minh (高克明) còn gọi là Câu Ba, Cao Khắc An (高克安) còn gọi là Câu Tư, Cao Khắc Định (高克定) còn gọi là Câu Năm đều là con cháu nhà họ Cao và hai nhân vật người hầu nam trong gia đình họ Cao là Viên Thành (袁成) và Tô Phúc (苏福).

Trước hết, không khó phát hiện ba nhân vật nam trẻ tuổi nhà họ Cao này đều có chung tên đệm là *Khắc* (克), Theo *Thuyết văn*, 克 *khắc* là chữ tượng hình, quan sát hình thù chữ 克 *khắc* dạng giáp cốt, giống như hình ảnh võ sĩ đầu đội mũ, tay mang vũ khí, tư thế của người thắng trận (克 是象形字。甲骨文像戴盔执戈的武士之形，表示攻打战胜之意) (Xu, 2012). Tuy nhiên, phần lớn các bộ từ điển hiện đại như *Tân hiện đại Hán ngữ từ điển*, *Từ điển quy phạm tiếng Hán hiện đại...* đều giải thích rằng, 克 *khắc* là chữ hội ý, với hai nghĩa cơ bản có liên quan đến nhau: một là chiến thắng; hai là có thể/ có năng lực thực hiện một điều nào đó. Thiên *Nhan Uyên* trong *Luận ngữ* có câu *khắc kỉ phục lễ vi nhân* (克己复礼为仁), nghĩa là có khả năng không chế bản thân, kiềm chế ham muốn, chiến thắng chính mình để khôi phục lễ nghi, tập tục truyền thống, đó chính là sự thể hiện của lòng nhân. Trong *Khúc lễ - Lễ ký* lại có đoạn viết: *Vô bất kính, nghiêm nhược tư, an định từ* (毋不敬，俨若思，安定辞), nghĩa là không gì là không cung kính, nghiêm trang như đang suy ngẫm, lời nói phải bình thản, rõ ràng và chính xác. Đó là tư thế, tác phong của người quân tử. Trong thiên *Nghiêu điển*, *Ngu thư* sách *Thượng thư* viết: *Khâm minh văn tư an an* (钦明文思安安), nghĩa là cung kính, sáng suốt, phân định đúng sai, giỏi trị vì thiên hạ và luôn khoan dung, ôn hòa. Như vậy, những cái tên như 明 *Minh* trong *Cao Khắc Minh*, 安 *An* trong *Cao Khắc An*, 定 *Định* trong *Cao Khắc Định* đều có mối liên hệ với tư tưởng Nho gia thể hiện trong *Tứ thư*, *Ngũ kinh*. Lý tưởng của nhà Nho là *có thể sáng suốt* (Khắc Minh: 克明), *có thể an định* (Khắc An: 克安, Khắc Định: 克定) để xử lý tình huống trong mọi hoàn cảnh.

Các nhân vật nữ như Tiên Mai Phần

(錢梅芬), còn gọi là *Mai tiểu thư*: con gái nhà họ Tiền), Lý Thụy Giác (李瑞珺): vợ của Giác Tân, mang đầy đủ họ tên. Họ Tiền và họ Lý đều là những họ phổ biến mang đặc trưng Trung Quốc. Những nhân vật không mang họ như Cầm (琴): cháu ngoại của cụ cố họ Cao, Minh Phượng (鳴鳳): người hầu gái của bà cả, Thục Trinh (淑贞): con gái của bà năm, đều là những cái tên rất đẹp, trong đó có trường hợp tên động thực vật, tên các loại ngọc quý được chuyên hóa thành tên người, thể hiện tâm tư nguyện vọng, phẩm chất đạo đức hoặc những thú vui tao nhã của mỗi người. Cả thế giới nhân vật trẻ tuổi ấy, ngay từ nhân vật đại diện cho tầng lớp đáy cùng của xã hội, sống kiếp kẻ hầu người hạ cũng không còn mang những cái tên quê mùa, xấu xí nữa. Đó là điểm khác biệt giữa tên nhân vật trong các tác phẩm của Ba Kim so với các nhà văn cùng thời khác, như Lỗ Tấn, Lão Xá, Triệu Thu Lý...

Ngoài ra, còn có *Uyển Nhi* (婉儿): người hầu gái của bà tư, chị *Tư Lư* (刘四姐), còn gọi là *Hỷ nương* (喜娘): người hầu của Thụy Giác..., cũng được thụ hưởng những cái tên rất đẹp mà tác giả dành cho. Có thể nói, đó là sự thể hiện tư tưởng nhân đạo, cái nhìn mới mẻ của Ba Kim so với các tác giả cùng thời khác.

Trong các tên nhân vật của tác phẩm *Gia đình*, đáng chú ý nhất là Minh Phượng (鳴鳳), trong đó, *Minh* (鳴) là kêu, hót; *Phượng* (鳳) là loài chim quý trong tứ linh *long, ly, quy, phượng* mà tên gọi mỗi loài đều thường được sử dụng làm tên người. Người Trung Quốc có câu *mong con trai thành rồng, mong con gái thành phượng* (望子成龙, 望女成凤), đó là niềm mong mỏi của các bậc làm cha làm mẹ. Những cái tên đó không chỉ xuất hiện trong xã hội Trung Quốc mà cũng xuất hiện trong xã hội Việt Nam. “Cái tên của người Hán và người Việt là sự phản ánh sinh động quan điểm thẩm mỹ, đạo lý làm người, ý thức vươn lên trong cuộc sống và mang đậm bản sắc dân tộc” (Phạm, 2008, tr. 192).

Nếu một người nào khác đặt tên là

Minh Phượng, khi chọn chữ cho tên, chưa chắc người đó đã chọn chữ 鳴 *minh* là kêu/hót. Tiếng Hán có những chữ *minh* khác nhau như 鳴 (kêu/hót), 明 (sáng), 铭 (khắc), 溟 (biển), 暝 (tối), trong đó, 明 (sáng) thường là lựa chọn hàng đầu để làm tên gọi. Giáo sư Tiến sĩ ngành Sinh học, Đại học Thượng Hải Trung Quốc có tên Minh Phượng, được thể hiện bằng hai chữ 明凤, chứ không phải là 鳴凤. Tiếng Hán và tiếng Việt đều là những ngôn ngữ âm tiết tính, đặc biệt chữ Hán là văn tự biểu ý, lại có nhiều chữ cùng một âm đọc nhưng khác nhau về nghĩa và hình dạng, cho nên, người Trung Quốc và những người Việt Nam thông hiểu chữ Hán thường rất chú trọng việc chọn chữ đặt tên, sao cho có ý nghĩa nhất và phù hợp với tâm nguyện của người đặt tên. Mặt khác, khi đặt tên, người Trung Quốc cũng như người Việt Nam không chỉ chú ý đến ý nghĩa của cái tên riêng biệt mà còn chú ý đến sự kết hợp nghĩa của từ chỉ tên chính, từ chỉ tên đệm và đôi khi cả với từ chỉ họ để tạo thành một tổ hợp từ có ý nghĩa, biểu đạt được ý tưởng của người đặt tên. *Minh Phượng* với sự kết hợp ý nghĩa của hai thành tố, tạo nên tiếng *chim phượng hót*. Trong tác phẩm, tác giả đã ủng hộ và ngợi ca vẻ trong sáng, thanh tao của mối tình giữa chàng thanh niên trí thức xuất thân quý tộc nhưng sớm giác ngộ mang tên *Giác Tuệ* và người hầu, xuất thân hèn kém mang tên *Minh Phượng*. Tác giả đã để cho đôi trai gái gặp nhau trong rừng mai thanh tao, hành mai mà Giác Tuệ ngắt giùm Minh Phượng luôn được Minh Phượng nâng niu trên tay và tạo nên khoảng cách cần thiết trong tình yêu của hai người, kể cả khi Giác Tuệ và Minh Phượng ngồi tâm sự trên cùng một ghế đá. Sau bao lần từ chối tình yêu của Giác Tuệ, Minh Phượng ít nhất đã một lần thổ lộ với Giác Tuệ nỗi kinh hoàng và niềm tin tưởng của mình khi phải sống trong nhà họ Cao. Đọc xong tác phẩm, độc giả không thể quên được chi tiết Minh Phượng kể cho Giác Tuệ nghe về giấc mơ nhìn thấy đàn sói đuổi theo nàng, nhưng được một chàng trai khôi ngô giúp nàng đánh đuổi đàn sói. Người đó chính

là Giác Tuệ. Giác mơ đồng thời cũng là lời tâm sự, niềm hy vọng muốn tháo cũi xổ lồng, đồng thời là lời gửi gắm, niềm tin yêu vào chính người thanh niên trí thức có nghị lực mang tên Giác Tuệ đang theo đuổi Minh Phượng và Minh Phượng cũng đang thầm yêu trộm nhớ chàng. Tiếng Phượng hót trong rừng mai thanh tao đó là cả một tâm sự, là tiếng lòng tha thiết của Minh Phượng, cũng là tiếng lòng của biết bao cô gái thông minh, tâm hồn trong sáng, luôn khát khao vượt khỏi tù ngục của lễ giáo, vươn tới tự do mà chỉ có những con người thông tuệ mới cảm nhận được. Chỉ bằng cái tên, độc giả cũng có thể thấy được sợi dây liên hệ tình cảm, sự hô ứng, thấu hiểu giữa đôi trai gái Giác Tuệ – Minh Phượng, mặc dù bối cảnh xuất thân khác nhau nhưng luôn hướng về nhau. Điều đó chứng tỏ “các nhà văn Trung Quốc có lợi thế lớn trong việc tận dụng tên, họ, cách gọi nhân vật để truyền tải dụng ý của mình bằng việc khai thác tính chất biểu ý của chữ Hán, khiến cho tên nhân vật càng thêm ý vị sâu xa, có khi đạt tới mức ý tại ngôn ngoại” (Phạm & Phạm, 2018, tr. 44). Tác giả đã khắc họa đậm nét câu chuyện tình yêu và mô tả rất tinh tế cuộc gặp gỡ của đôi trai gái này trong một không gian vô cùng lãng mạn. Hai người từ trong nhà họ Cao bước ra, con đường càng đi càng rộng mở và rừng mai thanh tao, yên tĩnh là nơi họ tự tình. Hình ảnh đó phần nào mang tính ước lệ nhưng đã thể hiện cái nhìn tiến bộ, muốn xóa bỏ tất cả khoảng cách đẳng cấp xã hội, một lòng ủng hộ tình yêu chân chính giữa Giác Tuệ với Minh Phượng của tác giả.

Ngoài Minh Phượng ra, các nhân vật nữ như Mai Phần, Thụy Giác, Cầm, Thục Trinh,... cũng là những cái tên rất đẹp mang tính ước lệ của người xưa. Trong đó, *Mai* là biểu trưng của sự thanh cao, trong sáng, mảnh dẻ, như Nguyễn Du từng dùng *Mai cốt cách, tuyết tinh thần* để khắc họa hình tượng chị em Thúy Kiều, *Mai Phần* (梅芬) là hương thơm thanh khiết của hoa mai. *Thụy* (瑞) và *Giác* (珏) đều là tên các loại ngọc quý làm đẹp cho đời, trong đó, *Giác* (珏) là một chữ

hội ý, gồm hai bộ ngọc (玉) đứng cạnh nhau với ý nghĩa là *hai miếng ngọc ghép lại*, nghĩa biểu trưng có thể hiểu rằng “Giác là sự hội tụ của cái đẹp”. *Cầm* (琴) là đàn, cũng là một trong những thú vui tao nhã của người xưa *cầm kỳ thi họa* (chơi đàn, đánh cờ, làm thơ, vẽ tranh), hay *cầm kỳ thi tửu* (chơi đàn, đánh cờ, làm thơ, uống rượu). Và những mối tình giữa Giác Tuệ với Minh Phượng, Giác Dân với Cầm cũng đã thể hiện xu thế đã phá cái gọi là môn đăng hộ đối của quan niệm hôn nhân phong kiến, vươn tới tự do yêu đương trong một xã hội không còn ràng buộc về đẳng cấp, mà hơn ai hết, chính tác giả đã nhìn thấy xu thế tất yếu đó.

#### 4. Vai trò của tên nhân vật trong việc thể hiện tư tưởng nội dung tác phẩm

Ba Kim sinh trưởng trong một gia đình quan lại phong kiến ở Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, là người chịu ảnh hưởng sâu sắc của trào lưu mới từ sau khi phong trào Ngũ tứ 1919 bùng nổ. Ông xuất thân trong gia đình quan lại, nhưng không theo nghiệp khoa cử thành danh như ý nguyện của cha mà tự chọn cho mình lý tưởng sống. Trong con người ông sớm hình thành tư tưởng phản phong và tinh thần ấy ngày càng mãnh liệt. Có thể nói, chính gia đình đã trở thành hiện thực hết sức sinh động và chân thực giúp ông làm nên một tác phẩm *Gia đình* gắn liền với tên tuổi của mình, trường tồn cùng thời gian. Đó là hình ảnh thu nhỏ của xã hội phong kiến trên đà suy tàn và cái mới, tiến bộ đang hình thành ngay trong lòng cái cũ, cái lạc hậu. Đi đôi với phản đối tư tưởng phong kiến bảo thủ, tàn độc, ông đã ủng hộ nhiệt tình cho thế hệ trẻ, ca ngợi những nhân tố mới đang hình thành và phát triển, nhất là những mối tình trong sáng của những lứa đôi không cùng giai cấp mà tiêu biểu là câu chuyện tình yêu giữa Giác Tuệ với Minh Phượng. Tác giả đã cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn trong sáng và phẩm chất tốt đẹp của người lao động. Thông qua việc tái hiện những mối tình đó, tác giả tỏ rõ thái độ ủng hộ cái mới và luôn hướng về một xã hội tự do bình đẳng.



Tư tưởng tiến bộ của tác giả một phần được thể hiện trong việc đặt tên cho các nhân vật của mình. Tên nhân vật dù chỉ là một từ đơn hay gồm hai từ đơn trở lên thì sự kết hợp các yếu tố tạo tên nhân vật ấy cũng thể hiện thái độ của tác giả với những nhân vật mà bản thân tác giả muốn gửi gắm vào đó niềm tin yêu và hy vọng. Những cái tên *Giác Tuệ, Giác Tâm, Giác Dân, Giác Thế, Giác Quân, Giác Anh* hay *Minh Phương...* đều giúp cho độc giả thông qua tư duy liên tưởng, một mặt hiểu được xu thế của lịch sử xã hội, mặt khác cảm nhận được thế giới tâm hồn, nghị lực vươn lên theo dòng thời đại của nhân vật. Khi bắt gặp những cái tên *Cầm, Thụy Giác, Mai Phần...*, độc giả sẽ liên tưởng đến vẻ đẹp thanh cao, trong sáng trong tâm hồn và tài hoa của nhân vật. Cái tên *Hỷ Nương* như luôn mang lại niềm vui, sự may mắn cho mọi người; *Thục Trinh* gợi lên hình ảnh người phụ nữ hiền hậu, thủy chung; *Uyển Nhi* khiến độc giả hình dung ra người con gái duyên dáng, uyển chuyển, đầy nữ tính..., từ đó có thể lĩnh hội được tình yêu mà tác giả dành cho nhân vật cũng như tính nhân đạo của tác phẩm. Tên nhân vật là thông tin đầu tiên về nhân vật được truyền tới độc giả, đồng thời cũng là một nhân tố không thể thiếu khi xây dựng hình tượng nhân vật, nhất là nhân vật chính, nhân vật điển hình. Việc dùng 觉 *Giác*, 克 *Khắc*... làm tên đệm cho nhân vật vừa phù hợp với cách đặt tên thường gặp ngoài đời thực, thể hiện quan hệ dòng tộc của những người được đặt tên, vừa thể hiện được dụng ý của tác giả gửi vào nhân vật trong tác phẩm. Những cái tên ấy cũng là hồi chuông báo hiệu cái mới đang nảy nở từng ngày, ước hẹn một tương lai tự do bình đẳng từ sau thắng lợi của phong trào Ngũ tứ, từng bước thay thế những quan niệm lạc hậu, hủ tục lỗi thời của xã hội cũ. Từ ý nghĩa từ vựng của tên nhân vật – một trong những nhân tố luôn được quan tâm khi xây dựng nhân vật và phân tích nhân vật trong *Gia đình*, ở một mức độ nhất định, chúng ta có thể hiểu được thái độ, tư tưởng, tình cảm và đường hướng sáng tác nghệ thuật của Ba

Kim. Điều đó chứng tỏ, nhân vật nói chung và tên nhân vật nói riêng “là một trong những khái niệm trung tâm để xem xét sáng tác của một nhà văn, một khuynh hướng, trường phái hoặc dòng phong cách.” (Đỗ và cộng sự, 2004, tr. 1255). Xét về mặt dạy học ngôn ngữ, văn hóa và văn học, quan hệ giữa chữ và nghĩa trong tên gọi nhân vật chính là một mảng tri thức hết sức thú vị. Tên gọi đó cần được đặt trong bối cảnh cụ thể của tác phẩm, nhằm tạo điều kiện cho người đọc tìm hiểu về đặc điểm nhân vật, nội dung tư tưởng, thủ pháp nghệ thuật của tác phẩm, mặt khác còn giúp cho những người giảng dạy và học tập ngôn ngữ – văn học và văn hóa Hán có cơ hội trải nghiệm, nâng cao năng lực lí giải ngôn từ, từ đó lĩnh hội được cái hay, cái đẹp và ý nghĩa sâu xa của tác phẩm.

## 5. Lời kết

Đi sâu phân tích ngữ nghĩa tên gọi các nhân vật trong tác phẩm văn học Trung Quốc nói chung và trong *Gia đình* của Ba Kim nói riêng, chúng ta có thể thấy được đặc trưng ngôn ngữ – văn hóa họ tên của người Trung Quốc, đồng thời hiểu sâu hơn về vai trò của tên nhân vật trong việc thể hiện tư tưởng, nội dung tác phẩm. Những tên gọi ấy là sản phẩm tinh thần của tác giả, góp phần đắc lực vào việc xây dựng hình tượng nhân vật và làm nên thành công của tác phẩm. Qua đó, độc giả “hiểu nỗi lòng người sinh thành ra nó, hiểu nội dung chủ yếu của tác phẩm và hiểu khát vọng sáng tạo của tác giả” (Nguyễn, 2006, tr. 261). Có thể nói, nếu không có trải nghiệm thực tiễn thiết thực và cái nhìn sắc sảo về xu thế tất yếu của thời đại cũng như niềm tin vào thế hệ trẻ, Ba Kim sẽ không có được một *Gia đình* với hàng loạt những cái tên nhân vật, nhất là nhân vật nam nữ thanh niên vừa đẹp vừa mang ý nghĩa sâu sắc, cuốn hút độc giả và tác phẩm được dịch ra nhiều thứ tiếng như vậy. Đọc tác phẩm, chúng ta càng dành thời gian suy ngẫm về ý nghĩa của tên nhân vật, càng có thể hiểu được một cách thấu đáo tư tưởng nội dung tác phẩm, dụng ý của tác giả cũng như chiều

sâu ngữ nghĩa của họ tên người Trung Quốc nói chung và tên gọi nhân vật trong tác phẩm văn học nói riêng. Có thể nói, tên nhân vật, nhất là tên nhân vật trẻ tuổi trong *Gia đình* là kết quả của việc vận dụng hết sức tinh tế các nhân tố ngôn ngữ, văn tự và văn hóa Trung Quốc, thể hiện rõ nét tầm nhìn cuộc sống, con người, phong cách sáng tác và tài hoa của Ba Kim.

### Tài liệu tham khảo

- Đỗ, Đ. H., Nguyễn, H. C., Phùng, V. T., & Trần, H. T. (2004). *Từ điển văn học*. Nxb Thế giới Hà Nội.
- Đỗ, H. C. (1993). *Đại cương ngôn ngữ học tập II*. Nxb Giáo dục Hà Nội.
- Li, B. J., & Tang, Zh. Ch. (2001). *Xiandai Hanyu cidian*. Jilin daxue Chubanshe.
- Ma, M. Ch. (1999). *Mingming xue mingming yishu*. Shijie Chubanshe.
- Nguyễn, Đ. N. (2006). *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam*. Nxb Giáo dục.
- Nguyễn, Đ. T. (2002). *Những vấn đề dạy và học tiếng Việt trong nhà trường*. Nxb ĐHQGHN.
- Nguyễn, Đ. T. (2013). *Những vấn đề của Ngôn ngữ học cấu trúc dưới ánh sáng lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại*. Nxb Khoa học xã hội.
- Phạm, H. K. (2018). *Nghiên cứu đặc điểm tên nhân vật trong các tác phẩm văn học của Lỗ Tấn, Ba Kim, Lão Xá – So sánh với tên nhân vật trong các tác phẩm văn học của Nam Cao, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố* [Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội]. [http://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU\\_123/65217](http://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU_123/65217)
- Phạm, N. H. (2008). *Từ ngữ xưng hô trong tiếng Hán – So sánh với tiếng Việt*. Nxb ĐHQGHN.
- Phạm, N. H., & Phạm, H. K. (2018). Định danh nhân vật – một thủ pháp nghệ thuật trong sáng tác văn học (qua ngữ liệu “Báu vật của đời” của Mạc Ngôn). *Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài*, 34(3), 34-45. <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4264>
- Trần, Đ. S., La, K. H., Phùng, N. K., & Nguyễn, X. N. (2012). *Lý luận văn học* (tập 2). Nxb Đại học Sư phạm.
- Wang, H. F. (2006). *Luxun zuopin zhong renwu de quming yishu*. Shanxi da xue Chubanshe.
- Wang, J. Y. (2005). *Zhongguo qimingxue*. Zhongguo Huaqiao Chubanshe.
- Wang, T. Y. (1993). *Xin xiandai Hanyu cidian*. Nanhai Chubanshe.
- Xiao, Q. H. (2004). *Cong ren zi shuo qi*. Xin shijie Chubanshe.
- Xie, H. D. (2006). *Haoxing haoming rensheng – shier shuxiang qiming baodian*. Xinshijie Chubanshe.
- Xu, Sh. (2012). *Shuowen jiezi*. Zhongguo shudian.

## SEMANTIC FEATURES OF CHARACTER NAMES IN THE WORK “FAMILY” BY BA JIN

Pham Ngoc Ham<sup>1</sup>, Pham Huu Khuong<sup>2</sup>

<sup>1</sup> VNU University of Languages and International Studies, Pham Van Dong, Cau Giay, Ha Noi, Vietnam

<sup>2</sup> Hanoi Metropolitan University, Duong Quang Ham, Quan Ho, Cau Giay, Ha Noi, Vietnam

**Abstract:** Characters are considered the soul of a literary work, which are represented in many ways such as appearance, personality, conversation, gesture and action. Each character is given a specific name that helps the readers gain the very first information about that character. Giving names to characters is a crucial step in the process of composing a literary work, and thus authors often devote a great deal of effort to this step. The article employs such research methods and techniques as statistics, description, and analysis to highlight the semantic features of character names in the work *Family* by Ba Jin, whereby emphasizing the important role of character names in expressing author’s ideas and intention in the work.

**Keywords:** character names, meaning, “Family”, Ba Jin, ideas and content